

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS - ST
Ngày 28/5/2024
Về việc “ T/c Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cận;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền; ông Nguyễn Viết Tác;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du, Thư ký Viên - Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Hoàn, kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2023 và thụ lý bổ sung số: 08A/2023/TLST-DS ngày 22/8/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-DS ngày 19/9/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS ngày 29/9/2023; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 05/2023/QĐST-DS ngày 25/10/2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 06/2023/QĐST-DS ngày 02/11/2023; thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 02/2024/TB-TA ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (L1). Địa chỉ: Toà nhà (L1), B Đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T, chức vụ: Quyền Tổng giám đốc. Đại diện được uỷ quyền khởi kiện: Ông Vũ Tuấn L, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B1. (Theo QĐ uỷ quyền số: 4076A/2023, ngày 17/3/2023). Người đại diện được uỷ quyền tham gia

tổ tụng: Ông Nguyễn Duy Đ, chức vụ: Giám đốc phòng G và ông Phạm Bình N, Chuyên viên xử lý nợ xấu - Chi nhánh B1. (Theo văn bản uỷ quyền số: 658, ngày 05/7/2023).

Bị đơn: Ông Giá Hoàng T1, sinh năm 1976 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Trung K, sinh năm 1976. (Vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B1 - Phòng G trong đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà trình bày:

Ngày 05/11/2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B1 - Phòng G đã ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD2632021305 với khách hàng là ông Giá Hoàng T1: Số tiền vay/ Hạn mức cho vay: 300.000.000đ, (Ba trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay. Nợ gốc được trả trong 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, từ kỳ thứ 01 đến kỳ 60 trả 5.000.000đ định kỳ trả vào ngày 06 hàng tháng. Nợ lãi trả vào ngày 06 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng với dư nợ cao nhất là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp tài sản số: HĐTD2632021305 ngày 05/11/2021; lãi suất 7%/năm tại thời điểm cho vay. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là nguồn thu nhập từ lương hưu của khách hàng là ông T1.

Ngày 27/01/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B1 - Phòng G đã ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2632022034 với khách hàng là ông Giá Hoàng T1: Số tiền vay/ Hạn mức cho vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay thanh toán mua ô tô con. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay. Nợ gốc được trả trong 84 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 84 trả 7.142.857đ, (Bảy triệu một trăm bốn hai nghìn tám trăm năm bảy đồng). Ngày đáo hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng theo Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2632022034 ngày 27/01/2022 lãi suất vay 11%/năm tại thời điểm cho vay. Tài sản đảm bảo khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số: HĐTC263202210 ngày 27/01/2022 cụ thể như sau: tên xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 97002076 do phòng C – Công an tỉnh B cấp ngày 25/01/2022, BKS: 97A-056.50. Số khung: MPAUCR87GMT000426, Số máy: RZ4EWK0090. Họ tên chủ xe ông Giá Hoàng T1 nơi đăng ký thường trú tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc thế chấp

tài sản nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 25/7/2022, ông **Giá Hoàng T1** trả nợ đầy đủ. Kể từ đó ông **T1** thường xuyên vi phạm cam kết, không trả nợ đúng thời hạn và không đủ số tiền dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 04/8/2022 và chuyển nợ xấu vào ngày 22/02/2023. Trong suốt thời gian từ 25/7/2022 đến nay Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị, yêu cầu bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Nay **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B1 - Phòng G** yêu cầu Toà án buộc ông **Giá Hoàng T1** phải trả cho Ngân hàng. Trả theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp tài sản số: HĐTD2632021305 ngày 05/11/2021. Nợ gốc 192.525.734đ (Một trăm chín hai triệu năm trăm hai năm nghìn bảy trăm ba tư đồng). Nợ lãi trong hạn 29.284.932đ (Hai chín triệu hai trăm tám tư nghìn chín trăm ba hai đồng). Nợ lãi quá hạn 7.281.300đ, (Bảy triệu hai trăm tám một nghìn ba trăm đồng). Tổng cộng: 229.091.967đ (Hai trăm hai chín triệu không trăm chín một nghìn chín trăm sáu bảy đồng). Trả theo Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2632022034 ngày 27/01/2022. Nợ gốc 510.166.524đ (Năm trăm mười triệu một trăm sáu sáu nghìn năm trăm hai bốn đồng). Nợ lãi trong hạn 86.619.121đ (**T2** sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm hai một đồng). Nợ lãi quá hạn 19.800.770đ, (Mười chín triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Tổng cộng: 616.586.501đ (Sáu trăm mười sáu triệu năm trăm tám sáu nghìn năm trăm linh một đồng). Tổng số tiền ông **Giá Hoàng T1** phải thanh toán của hai hợp đồng: 845.678.467đ trong đó. Nợ gốc 702.692.344đ. Nợ lãi trong hạn 115.904.053đ. Nợ lãi quá hạn 27.082.070đ.

Yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô Số: HDTC263202210 ngày 27/01/2022 cụ thể như sau: tên xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 97002076 do **phòng C – Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022, BKS: 97A-056.50. Số khung: MPAUCR87GMT000426, Số máy: RZ4EWK0090. Họ tên chủ xe ông **Giá Hoàng T1** nơi đăng ký thường trú **tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn**. Việc thế chấp tài sản nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Ngân hàng đã ban hành công văn số: 805/2023/CV-LPBanhk.BK ngày 18/8/2023) đề nghị Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn buộc ông **Vũ Trung K** giao lại tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng là xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 97002076 do **phòng C – Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022, BKS: 97A-056.50. Số khung: MPAUCR87GMT000426, Số máy: RZ4EWK0090. Họ tên chủ xe ông **Giá Hoàng T1** nơi đăng ký thường trú **tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn** và yêu cầu đưa ông **Vũ Trung K** trú tại **Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn** vào tham gia tố

tung trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Toà án đã thụ lý bổ sung số: 08A/TB-TLVA ngày 22/8/2023.

Ngày 12/9/2023 nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản đang thế chấp là 01 Xe ô tô con. Ngày 18/9/2023 Thẩm phán ra thông báo không chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng khẩn cấp tạm thời đối với 01 xe ô tô con.

Gửi kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ và có bản tự khai theo quy định.

Bị đơn: Ông **Giá Hoàng T1** trong bản tự khai ngày 23/8/2023 trình bày: Ông **T1** có 02 (Hai) khoản vay với **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G** như sau:

Khoản vay ngày 27/01/2022 với số tiền là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 84 tháng.

Khoản vay ngày 05/11/2021 với số tiền là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn).

Ông **T1** chịu trách nhiệm 02 (Hai) khoản vay này, nhưng hiện tại chưa có khả năng để trả và thời gian tới sẽ trả 02 (Hai) khoản vay theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay ngày 27/01/2022 với số tiền là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) là khoản vay ô tô BKS – 97FA.056.50. Hiện tại xe ô tô ông **T1** đang là người quản lý, nhưng ông **T1** đang cho ông **Vũ trung K1**, trú tại **tổ D, thị trấn B, Chợ Đ, Bắc Kạn** mượn đi, khi cơ quan chức năng yêu cầu giao nộp, ông **T1** sẽ chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định.

Trong biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông **T1** không có yêu cầu phản tố.

Trong biên bản hoà giải ngày 11/9/2023 ông **T1** trình bày: Về khoản nợ đối với Ngân hàng ông **T1** thừa nhận đúng như bên Ngân hàng đã trình bày. Khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp là 01 ô tô ISUZUMU-X4x MT, màu sơn trắng năm sản xuất 2021 nước sản xuất Thái Lan. BKS – 97FA.056.50. Xe đứng tên ông **Giá Hoàng T1**. Hiện nay xe ô tô đang được ông **Vũ Trung K** quản lý, việc giao dịch giữa ông **T1** với ông **K** không có liên quan đến Ngân hàng. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông **Giá Hoàng T1** chấp nhận. Ông **T1** đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông **T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo dấu công văn đến số: 288, ngày 11/9/2023 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Vũ Trung K** trong bản tự khai ngày 05/9/2023 trình bày: Giữa ông **K** với ông **Giá Hoàng T1** là bạn thân nên ông **T1** có nhờ ông **K** mượn số tiền: 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn) và ông **T1** để lại chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 để làm tin

và hẹn mấy ngày sẽ trả tiền và lấy xe ô tô. Nhưng đến nay ngày 05/9/2023 vẫn không thấy ông T1 đến gặp ông K trả tiền và lấy xe. Sau đó ông K được biết ông T1 đang thế chấp chiếc xe ô tô tại Ngân hàng B – Chi nhánh B1 – Phòng G và ông K đã được Công an tỉnh B hỏi về vấn đề này. Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông K không có yêu cầu độc lập. Tại biên bản hoà giải ông Vũ Trung K trình bày: Về chiếc xe ô tô hiện nay ông K đang quản lý do ông T1 có mượn ông K số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn) ông T1 có để lại chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 để làm tin. Do ông T1 chưa trả tiền và đến lấy xe ô tô nên ông K vẫn đang quản lý sử dụng xe ô tô. Việc giao dịch giữa ông K và ông T1 không liên quan đến Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2023 ông Vũ Trung K trình bày ý kiến: Không đồng ý cho thẩm định chiếc xe ô tô, do ông K chỉ đang giữ hộ ông Giá Hoàng T1 và ông T1 đang là chủ sở hữu xe. Nên ông K đề nghị cần có sự đồng ý của ông T1 nhưng hiện tại không liên lạc được với ông T1. Nếu ông Giá Hoàng T1 có mặt tại buổi làm việc cùng Toà án thì ông K đưa chìa khoá xe ô tô cho ông T1. Do đó không tiến hành thẩm định được chiếc xe ô tô biển số 97FA.056.50.

Ngày 07/12/2023 Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lần hai đối với chiếc xe ô tô biển số 97FA.056.50 theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, không tiến hành việc xem xét thẩm định đối với chiếc xe ô tô được, vì ông Giá Hoàng T1 và ông Vũ Trung K đều vắng mặt không hợp tác.

Ngày 03/4/2024 Toà án tiến hành xác minh với tổ trưởng tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả xác minh tổ trưởng tổ 4 không nắm được thông tin và không nhìn thấy, việc ông Vũ Trung K cất giữ chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 tại nhà riêng của ông K tại tổ D, thị trấn B.

Với nội dung vụ việc nêu trên Toà án đã tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Giá Hoàng T1 thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi theo hai hợp đồng tín dụng đã được ký kết. Buộc ông Vũ Trung K giao trả chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 cho Ngân hàng. Đề nghị Toà án tuyên phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50

Bị đơn: Quá trình tố tụng không có yêu cầu phản tố

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình tố tụng không có yêu cầu độc lập.

Phát biểu của Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tại phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện đúng nhưng chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 227, 228/ BLTTDS năm 2015; Điều 303, 319, 323, 351, 401, 466, 468/ BLDS năm 2015; Điều 91, 95/ Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019, ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC; Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị Quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Giá Hoàng T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ cho theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2632021305 nợ gốc là: 192.525.734 đồng, nợ lãi trong hạn 29.284.932 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 7.281.300 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng HDTD2632022034 nợ gốc là 510.166.520 đồng, nợ lãi trong hạn là 86.619.121 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 19.800.770 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Giá Hoàng T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Giá Hoàng T1 phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Đối với HDTD2632022034, trường hợp ông Giá Hoàng T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu ISUZU, số máy RZ4EWK0090, số khung MPAUCR87GMT000426, màu sơn trắng, biển kiểm soát 97A- 056.50, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 97 002 076 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 25/01/2022 mang tên chủ sở hữu Giá Hoàng T1.

Ông Vũ Trung K và tất cả những ai đang quản lý chiếc xe ô tô dưới mọi hình thức phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án khi kê biên phát mại.

Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông **Giá Hoàng T1** vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu ông **Giá Hoàng T1** thanh toán được nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần B** có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 97 002 076 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022 cho ông **Giá Hoàng T1**.

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng ông **Giá Hoàng T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời Toà án đã giao các văn bản tố tụng cho ông **T1** hợp lệ theo Điều 177/ BLTTDS. Nên Toà án không niêm yết văn bản tố tụng cho ông **T1** theo Điều 179/BLTTDS. Đối với ông **Vũ Trung K** Toà án đã giao văn bản tố tụng hợp lệ theo Điều 177/BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Nguyên đơn, Kiểm sát viên không đề nghị hoãn phiên tòa Hội đồng xét xử dùng hội ý và thống nhất tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và nghĩa có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp tài sản số: HĐTD2632021305 ngày 05/11/2021 và Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2632022034 ngày 27/01/2022. Yêu cầu ông **Vũ Trung K** giao trả chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 cho Ngân hàng. Đề nghị Toà án tuyên phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã xem xét các quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này thu hút về quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại **huyện C, tỉnh Bắc Kạn**. Nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại khoản Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông **Giá Hoàng T1** thừa nhận có vay **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G** gồm có 02 (Hai) khoản vay;

Khoản vay ngày 27/01/2022 là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 84 tháng.

Khoản vay ngày 05/11/2021 là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn).

Ông T1 tự nhận chịu trách nhiệm 02 (Hai) khoản vay này, nhưng hiện tại ông T1 chưa có khả năng trả và thời gian tới sẽ trả 02 (Hai) khoản vay theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay ngày 27/01/2022 là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) là khoản vay có thế chấp chiếc xe ô tô BKS – 97FA.056.50. Nhưng hiện tại xe ô tô ông T1 đang cho ông Vũ Trung K1, trú tại tổ D, thị trấn B, Chợ Đ, Bắc Kạn mượn đi khi cơ quan chức năng yêu cầu giao nộp, ông T1 sẽ chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định.

Trong biên bản hoà giải ngày 11/9/2023 ông T1 xác nhận: Về các khoản nợ Ngân hàng ông T1 thừa nhận đúng như bên Ngân hàng đã trình bày. Khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp là 01 ô tô ISUZUMU-X4x MT, màu sơn trắng năm sản xuất 2021 nước sản xuất Thái Lan . BKS – 97FA.056.50. Xe đứng tên ông Giá Hoàng T1. Hiện nay xe ô tô đang được ông Vũ Trung K quản lý, việc giao dịch giữa ông T1 với ông K không có liên quan đến Ngân hàng. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông Giá Hoàng T1 chấp nhận. Ông T1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Quá trình tố tụng thấy ông T1 không có yêu cầu phản tố. Ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo dấu công văn đến số: 288, ngày 11/9/2023 theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Trung K trình bày: Giữa ông K với ông T1 là bạn thân nên ông T1 có nhờ ông K mượn số tiền: 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn) và ông T1 để lại chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 để làm tin và hẹn mấy ngày sẽ trả tiền và lấy xe ô tô. Nhưng vẫn không thấy ông T1 đến trả tiền và lấy xe. Sau đó ông K được biết chiếc xe ô tô đang thế chấp tại Ngân hàng B – Chi nhánh C1 – Phòng G và đã được Công an tỉnh B hỏi ông K về vấn đề xe. Về chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 hiện nay ông K đang giữ là do ông T1 mượn ông K 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn) rồi ông T1 để lại chiếc xe làm tin. Việc giao dịch chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 giữa ông K và ông T1 không liên quan đến Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông K không có yêu cầu độc lập.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2023 ông K không đồng ý cho thẩm định chiếc xe ô tô, ông K chỉ đang giữ hộ ông T1, ông T1 đang là chủ sở hữu xe. Nên cần có sự đồng ý của ông T1. Nếu ông T1 có mặt tại buổi làm việc thì ông K đưa chìa khoá xe ô tô cho ông T1 do đó không tiến hành thẩm định được đối với chiếc xe ô tô biển số 97FA.056.50.

Ngày 07/12/2023 Toà án tiến hành thẩm định tại chỗ lần hai đối với chiếc xe ô tô biển số 97FA.056.50. Tuy nhiên, không tiến hành được là do ông T1 và ông K không hợp tác.

Kết quả xác minh ngày 03/4/2024 với tổ trưởng **tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn**. Tổ trưởng tổ 4 không nắm được thông tin và không nhìn thấy về việc ông **K** cất giữ chiếc xe ô tô ISUZU biển số 97FA.056.50 tại nhà riêng của ông **K** tại **tổ D, thị trấn B**.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, quá trình tố tụng, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần B- Chi nhánh B1- Phòng G** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông **Giá Hoàng T1**. Có đủ cơ sở khẳng định giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần B- Chi nhánh B1- Phòng G** và ông **Giá Hoàng T1**, sinh năm 1976, trú tại **tổ A, TT B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn** đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTD2632021305, ký kết ngày 05/11/2021, với số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 7%/năm tại thời điểm vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất hạn trả nợ gốc được tính theo tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ vào ngày 06 của tháng và được tính bằng tổng số tiền vay chia đều cho số kỳ trả nợ, số tiền phải trả 5.000.000 đồng/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 06 của tháng.

Hợp đồng tín dụng số HĐTD2632022034 ký kết ngày 27/01/2022 với số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay 11%/năm tại thời điểm vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 chiếc ô tô con, nhãn hiệu ISUZU MU- X, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 97 002 076 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC263202210 ngày 27/01/2022. Kỳ hạn trả nợ gốc được trả 01 tháng/lần, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ vào ngày 25 của kỳ trả nợ, trả lãi 01 tháng/ lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ vào ngày 25 của kỳ trả nợ.

Khi ký 02 hợp đồng tín dụng, các đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa các bên đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Do đó, xác định 02 hợp đồng tín dụng đã ký là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn và các hợp đồng, tài liệu nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của bị đơn thấy 02 HĐTD đã ký kết giữa **Ngân hàng TMCP B** với ông **Giá Hoàng T1** chưa hết thời hạn theo thỏa thuận giữa các bên.

Tuy nhiên, xác định sau khi ký hợp đồng, ông **Giá Hoàng T1** chỉ trả nợ gốc và lãi đầy đủ đến ngày 25/7/2022. Sau ngày 25/7/2022 thì ông **T1** thường xuyên vi phạm cam kết, không trả nợ đúng hạn và không đủ số tiền dẫn đến 02 khoản vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/8/2022 và chuyển nợ xấu vào ngày 22/02/2023. Kể từ khi 02 khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông **Giá Hoàng T1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông **T1** không thực hiện, thường xuyên vi phạm cam kết với Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1** và nội dung thỏa thuận tại Điều 7 của 02 hợp đồng tín dụng (HĐTD2632021305; HĐTD2632022034) thì **Ngân hàng TMCP B** có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước hạn đối với ông **Giá Hoàng T1** nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông **Giá Hoàng T1** phải trả toàn bộ số tiền dư nợ gốc của HĐTD2632021305 tính đến ngày 20/5/2024 là 192.525.734 đồng, toàn bộ số tiền dư nợ gốc của HĐTD2632022034 tính đến ngày 20/5/2024 là 510.166.524 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất, **Ngân hàng TMCP B** yêu cầu ông **Giá Hoàng T1** phải thanh toán lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn) của 02 hợp đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng HĐTD2632021305 (Hợp đồng vay thế chấp lương hưu) bao gồm nợ lãi trong hạn 29.284.932 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 7.281.300 đồng; Hợp đồng tín dụng HĐTD2632022034 (Hợp đồng vay thế chấp xe ô tô) bao gồm nợ lãi trong hạn 86.619.121 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 19.800.770 đồng. Xét thấy, việc tính lãi suất của Ngân hàng thì phần lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc là phù hợp với các quy định của pháp luật và đã được các bên tự nguyện thỏa thuận trong hợp đồng, có giá trị thi hành với các bên nên có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần B** về việc buộc ông **Giá Hoàng T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ dư nợ gốc cũng các khoản lãi, phí phát sinh theo 02 hợp đồng đã ký. Cụ thể:

- Khoản vay của Hợp đồng tín dụng HĐTD2632021305 (Hợp đồng vay thế chấp lương hưu) có dư nợ gốc là 192.525.734 đồng, nợ lãi trong hạn 29.284.932 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 7.281.300 đồng tính đến ngày 20/5/2024.

- Khoản vay của Hợp đồng tín dụng HĐTD2632022034 (Hợp đồng vay thế chấp xe ô tô) có dư nợ gốc là 510.166.524 đồng nợ lãi trong hạn 86.619.121 đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 19.800.770 đồng tính đến ngày 20/5/2024.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét việc các bên ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD2632022034 ngày 27/01/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC263202210 ngày 27/01/2022 là hợp pháp, hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô con nhãn hiệu ISUZU MU- X, màu sơn trắng, biển kiểm soát 97A- 056.50 đã được

công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp đang có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng. Tuy nhiên ông **Giá Hoàng T1** đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận khi giao chiếc xe ô tô cho ông **Vũ Trung K** để làm tin vay số tiền 230.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Vũ Trung K** không hợp tác giao trả chiếc xe ô tô để thẩm định và không có căn cứ xác định được hiện chiếc xe ô tô đang ở đâu nên Tòa án không tiến hành được việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Ông **Vũ Trung K** không giao trả chiếc xe ô tô cho Ngân hàng vì cho rằng việc ông **T1** giao xe cho ông **K** giữ là giao dịch riêng giữa ông **T1** và ông **K**, không liên quan đến ngân hàng là không có căn cứ vì trước thời điểm giao xe cho ông **K** giữ thì chiếc xe ô tô đã được ông **T1** thế chấp hợp pháp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của HĐTD2632022034. Do đó, việc ông **T1** đưa chiếc xe ô tô cho ông **K** giữ làm tin để vay tiền là không được chấp nhận. Giao dịch vay mượn tiền giữa ông **T1** với ông **K** nếu có sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp ông **Giá Hoàng T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại để thu hồi toàn bộ dư nợ đối với chiếc xe ô tô và đề nghị Tòa án tuyên buộc ông **Vũ Trung K** giao lại chiếc ô tô đang là tài sản thế chấp trên cho Ngân hàng để xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ để chấp nhận. Bên cạnh đó, để đảm bảo cho việc thu giữ, kê biên phát mại tài sản thì ngoài ông **Vũ Trung K**, cũng cần tuyên buộc tất cả những ai đang quản lý chiếc xe ô tô (dưới mọi hình thức) phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án khi kê biên phát mại.

Xét đề nghị giải quyết về nội dung vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Theo thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số: 15/TB-TA, ngày 15/9/2023 và theo biên bản giao nhận tiền chi phí tố tụng giữa ngân hàng với Tòa án ngày 15/9/2023 với số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn). Theo bảng thanh toán chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2023 số tiền: 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) do nguyên đơn đã tạm ứng trước nên bị đơn phải thanh toán 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng còn lại: 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Giá Hoàng T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Từ 800.000.000 đ (**T2**

trăm triệu đồng) đến 2.000.000.000 đồng(Hai tỷ đồng). Mức thu là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng (845.678.467đ – 800.000.000đ = 45.678.467đ): 36.000.000 đồng + 3% x 45.678.467 đồng = 1.370.354, 1 đồng = 37.370.354 đồng. Nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính tròn số với số tiền là: 37.370.354đ (Ba bảy triệu ba trăm bảy không nghìn ba trăm năm tư đồng) để sung quỹ nhà nước. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299; Điều 303; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 401; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G**, tỉnh Bắc Kạn về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn là ông **Giá Hoàng T1**.

Buộc ông **Giá Hoàng T1** có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ cho **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G**, tỉnh Bắc Kạn theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2632021305 ngày 05/11/2021 đến ngày 20/5/2024 là 229.091.967 đồng (Hai trăm hai chín triệu không trăm chín một nghìn chín trăm sáu bảy đồng) trong đó: vốn nợ gốc là 192.525.734 đồng (Một trăm chín hai triệu năm trăm hai năm nghìn bảy trăm ba tư đồng), nợ lãi trong hạn là 29.284.932 đồng (Hai chín triệu hai trăm tám tư nghìn chín trăm ba hai đồng), nợ lãi quá hạn là 7.281.300 đồng (Bảy triệu hai trăm tám một nghìn ba trăm đồng) và theo Hợp đồng tín dụng HDTD2632022034 ngày 27/01/2022 đến ngày 20/5/2024 là 616.586.501 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu năm trăm tám sáu nghìn năm trăm lẻ một đồng) trong đó; vốn nợ gốc là 510.166.524 đồng (Năm trăm mười triệu một trăm sáu sáu nghìn năm trăm hai tư đồng), nợ lãi trong hạn là 86.619.121 đồng (**T2** sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm hai một đồng), nợ lãi quá hạn 19.800.770 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy không đồng).

Kể từ ngày 21/5/2024, ông **Giá Hoàng T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông **Giá Hoàng T1** phải tiếp tục

thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Đối với Hợp đồng tín dụng HDTD2632022034 ngày 27/01/2022. Trường hợp ông **Giá Hoàng T1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần B** có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu ISUZU, số máy RZ4EWK0090, số khung MPAUCR87GMT000426, màu sơn trắng, biển kiểm soát 97A- 056.50, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 97 002 076 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022 mang tên chủ sở hữu **Giá Hoàng T1**. Ông **Vũ Trung K** và tất cả những ai đang quản lý chiếc xe ô tô dưới mọi hình thức phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án khi kê biên phát mại.

Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông **Giá Hoàng T1** vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu ông **Giá Hoàng T1** thanh toán được nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần B** có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 97 002 076 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 25/01/2022 cho ông **Giá Hoàng T1**.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 157/ BLTTDS; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Ông **Giá Hoàng T1** phải có trách nhiệm thanh toán tiền chi phí tố tụng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G**, tỉnh Bắc Kạn. Nguyên đơn **Ngân hàng Thương Mại cổ phần B – Chi nhánh B1 – Phòng G** được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng còn lại: 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí: Ông **Giá Hoàng T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 37.370.354đ (Ba bảy triệu ba trăm bảy không nghìn ba trăm năm tư đồng) để sung quỹ nhà nước. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 18.197.717đ (Mười tám triệu một trăm chín bảy nghìn bảy trăm một bảy đồng) theo biên lai số 0001441 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND TT Bằng Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn